**BÀI 25. MỘT SỐ LỆNH LÀM VIỆC VỚI XÂU KÍ TỰ**

1. **Xâu con và lệnh tìm vị trí xâu con**

Để tìm một xâu trong một xâu khác có thể dùng toán tử in hoặc lệnh find(). Lệnh find() trả về vị trí của xâu con trong xâu mẹ.

* Dùng toán tử in để kiểm tra một xâu có phải là xâu con của xâu khác không. Biểu thức kiểm tra <xâu 1> nằm trong <xâu 2> là:

**<xâu 1> in <xâu 2>**

Nếu đúng thì trả lại giá trị True, nếu sai trả lại giá trị False.

***Vd:*** "abc" in "123abc"

KQ: True

 "010" in "1101"

KQ: False

* Lệnh find() tìm vị trí xuất hiện của một xâu trong xâu khác.

+ Cú pháp đơn của lệnh find(): **<xâu mẹ> . find(<xâu con>)**

🡪 Lệnh sẽ tìm vị trí đầu tiên của xâu con trong xâu mẹ và trả về vị trí đó. Nếu không tìm thấy thì trả về -1.

+ Cú pháp đầy đủ của lệnh find(): **<xâu mẹ>.find(<xâu con> , start)**

🡪 Lệnh sẽ tìm vị trí xâu con bắt đầu từ vị trí start

***Vd:*** sub ="Đà Nẵng"

 S="Hà Nội - Đà Nẵng - Hồ Chí Minh"

 S.find(sub)

KQ: 9

S.find(sub,10)

KQ: -1

1. **Một số lệnh thường dùng với xâu kí tự**
* Lệnh split() tách một xâu thành danh sách các từ và đưa vào một danh sách. Kí tự tách dùng để phân tách các từ mặc định là dấu cách, tuy nhiên có thể thay thế kí tự tách bằng kí tự khác. Cú pháp của lệnh split():

**<xâu mẹ>.split(<kí tự tách>)**

 ***Vd:*** st ="0,1,2,3,4,5"

 st.split(",")

 KQ: ['0', '1', '2', '3', '4', '5']

* Lệnh join() có tác dụng ngược với lệnh split(), có chức năng nối các phần tử (là xâu) của một danh sách thành một xâu. Cú pháp của lệnh join() là:

**"kí tự nối".join(<danh sách>)**

 ***Vd:*** A = ['0', '1', '2', '3', '4', '5']

 "," . join(A)

 KQ: '0, 1, 2, 3, 4, 5'